

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TIỀN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **380/2023/DS-ST**
Ngày: 12-9-2023
V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Chinh

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Văn Y

2/ Ông Tạ Công Minh

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Mai Chi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 12 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 151/2023/TLST-DS ngày 04 tháng 5 năm 2023 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 150/2023/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Nguyễn Thị S**, sinh năm: 1975.

Địa chỉ: ấp H, xã KS, huyện CT, tỉnh TG.

Đại diện ủy quyền: **Võ Tuấn Vĩnh T**, sinh năm: 1973.

Địa chỉ: Số 508 PH, ấp BTA, xã TA, thành phố MT, tỉnh TG.

- *Bị đơn:* **Phạm Thị Minh T**, sinh năm: 1971.

Địa chỉ: ấp M, xã KS, huyện CT, tỉnh Tiền G.

(Ông T và chị mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Võ Tuấn Vĩnh T trình bày:

Vào ngày 25/7/2022, bà Nguyễn Thị S có cho chị Phạm Thị Minh T vay số tiền là 75.000.000đồng, thời hạn vay là 02 tháng, lãi suất cho vay là 20%/năm, khi vay tiền có lập biên nhận và chị T có ký tên xác nhận. Đến hạn trả vốn vào ngày 25/9/2022 chị T không có tiền trả cho bà S nên chị T xin bà S cho trả dần mỗi tháng là 5.000.000đồng và được bà S đồng ý. Thỏa thuận này được chị T viết thêm vào phần cuối của biên nhận ngày 25/7/2022, cụ thể nội dung như sau: *“Tiền lãi là 20 phần trăm 1 năm, tới thời gian không trả tôi sẽ chịu tội với pháp luật, tôi xin trả mỗi tháng 5 triệu đồng tôi sẽ giữ lời”*. Ngày 12/10/2022 chị T có trả cho bà S được số tiền vốn là 5.000.000đồng rồi ngưng luôn cho đến nay. Nay bà S yêu cầu chị T trả cho bà S số tiền vốn vay còn nợ là 70.000.000đồng, yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất là 1,7%/tháng từ ngày 12/11/2022 cho đến khi xét xử, nguyên đơn tự nguyện là tròn là 10 tháng với số tiền là 11.900.000đồng, tổng số tiền vốn và tiền lãi bà S yêu cầu chị T trả là 81.900.000đồng.

Tại bản khai đề ngày 06/7/2023, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn chị Phạm Thị Minh T trình bày:

Trước đây, chị T không nhớ thời gian cụ thể, chị T có vay của bà Nguyễn Thị S số tiền vốn là 40.000.000đồng, lãi suất thỏa thuận bằng lời nói là 10%/tháng. Khi vay hai bên có lập biên nhận và biên nhận do bà S giữ. Từ khi vay chị T có đóng lãi đầu đủ cho bà S đến tháng 11/2021 thì ngưng do dịch COVID bùng phát, không có thu nhập. Đến ngày 25/7/2022 chị T và bà S viết lại biên nhận, theo đó bà S tính số tiền lãi chị T còn nợ bà S từ tháng 12/2021 đến tháng 7/2022 là 08 tháng số tiền là 35.000.000đồng, bà S cộng vào số tiền vốn 40.000.000đồng thành số tiền 75.000.000đồng, thời hạn vay là 02 tháng kể từ ngày viết biên nhận, lãi suất thỏa thuận bằng lời nói vẫn là 10%/tháng, biên nhận do chị T viết và hai bên có ký tên xác nhận. Tuy nhiên, sau đó bà S đồng ý giảm lãi cho chị T, cụ thể lãi suất giảm còn 20%/năm và bà S đồng ý cho chị T trả dần mỗi tháng 5.000.000đồng tiền vốn, thỏa thuận này được hai bên đồng ý và chị T có viết vào phần cuối của biên nhận ngày 25/7/2022 như lời nguyên đơn trình bày, bản chính biên nhận do bà S giữ. Từ ngày viết biên nhận chị T đóng lãi đầy đủ đến tháng 4/2023 thì ngưng và chị T đã trả được số tiền vốn là 5.000.000đồng.

Việc trả vốn và đóng lãi không có giấy tờ gì. Nay chị T thừa nhận còn nợ bà S số tiền là 70.000.000đồng, đồng ý trả cho bà S nhưng vì điều kiện khó khăn nên xin bà S giảm 20.000.000đồng, còn lại 50.000.000đồng tiền vốn chị T xin trả dần mỗi tháng là 1.000.000đồng cho đến khi hết nợ. Đối với yêu cầu tính lãi của nguyên đơn chị T không đồng ý. Số tiền lãi mà chị T đã đóng cho bà S trước đây thì chị T không có tranh chấp và cũng không có yêu cầu gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét thấy, vào ngày 25/7/2022 bà Nguyễn Thị S có cho chị Phạm Thị Minh T vay số tiền là 75.000.000đồng, lãi suất thỏa thuận là 20%/năm, thời hạn vay là 02 tháng. Khi vay có lập biên nhận và chị T có ký tên xác nhận. Tuy nhiên đến hạn trả vốn thì chị T không có tiền nên bà S đồng ý cho chị T trả dần mỗi tháng là 5.000.000đồng. Quá trình thực hiện chị T có trả được 01 tháng tiền vốn là 5.000.000đồng rồi ngưng đến nay. Bị đơn chị Phạm Thị Minh T thừa nhận có vay tiền và còn nợ bà S số tiền là 70.000.000. Lời trình bày của các đương sự phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do vậy, căn cứ Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định các tình tiết trên là sự thật, không phải chứng minh.

[2.2] Xét yêu cầu của bà S là có cơ sở, bởi lẽ căn cứ vào “Hợp đồng vay tiền” ngày 25/7/2022 có ghi thời điểm xác lập hợp đồng, số tiền vay, thời hạn trả nợ là hoàn toàn tự nguyện, thể hiện qua việc chị T đồng ý ký tên vào biên nhận. Quá trình thực hiện chị T đã nhiều lần vi phạm nghĩa vụ của bên vay, bà S có tạo điều kiện cho chị T trả nợ nhưng chị T không thực hiện, kéo dài thời gian trả nợ gây thiệt thòi quyền lợi cho bà S. Do đó cần buộc chị T có nghĩa vụ trả cho bà S số tiền 70.000.000đồng trong một thời gian nhất định. Vì vậy yêu cầu khởi kiện của bà S là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Xét yêu cầu của chị T xin nguyên đơn giảm tiền vốn vay và xin trả dần không được đại diện ủy quyền của nguyên đơn đồng ý do đó Hội đồng xét xử

không chấp nhận.

[2.4] Về lãi suất: Nguyên đơn yêu cầu tính lãi đối với số tiền vay 70.000.000đồng từ ngày 12/11/2022 đến ngày xét xử, nguyên đơn tự nguyện làm tròn là 10 tháng theo mức lãi suất là 1,7%/tháng thành số tiền là 11.900.000đồng. Xét yêu cầu này là hoàn toàn phù hợp theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 nên được chấp nhận.

[2.5] Xét lời trình bày của chị T không có tranh chấp và cũng không có yêu cầu gì đối với số tiền lãi đã đóng lãi cho bà S nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: Bị đơn có nghĩa vụ chịu án phí đối với yêu cầu của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 26, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 463, Điều 466, Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị S.

Buộc chị Phạm Thị Minh T có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị S số tiền là 81.900.000đồng (Tám mươi một triệu chín trăm nghìn đồng). Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà S có đơn yêu cầu thi hành án nếu chị T chậm trả tiền còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

2/ Về án phí: Chị Phạm Thị Minh T phải chịu 4.095.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị S số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 2.067.000 đồng theo biên lai thu số 0021680 ngày 25/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Chinh